TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DSST
Ngày: 20/01/2025
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng
2- Bà Nguyễn Thị Xuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trinh - Cán bộ Toà án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 738/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Q.
Trụ sở: đường A, Phường S, Quận D Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: đường A, Phường S, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Z là người đại diện theo ủy quyền (Ông Z có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông W, sinh năm 19xx
Địa chỉ: đường F, Phường G, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Ông W vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Q có ông Z đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 07/10/2019, ông W có ký với Ngân hàng Q (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng phát hành cho ông W loại thẻ Master, số thẻ 526830 – 7572; Hạn mức: 17.000.000 đồng; Lãi suất áp dụng 2.6%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông W đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.410.848 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay

ông W đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.867.156 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông W vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông W vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 23/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 18.511.568 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Sau đó, tháng 01 và tháng 03/2022 ông W thanh toán thêm vào thẻ tín dụng số tiền 1.650.000 đồng. Nên nợ gốc của ông W hiện còn lại là 16.861.568 đồng.

Do ông W vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông W phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 20/01/2025 là 42.335.558 đồng, trong đó: Nợ gốc: 16.861.568 đồng và Nợ lãi quá hạn: 25.473.990 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông W, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông W vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bị đơn ông W phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/01/2025 là 42.335.558 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 16.861.568 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 25.473.990 đồng

- Về trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/01/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông W: Đã được Tòa án triệu tập để tự khai, hòa giải, xét xử nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu quan điểm: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng theo qui định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, căn cứ thỏa thuận của hợp đồng tín dụng hai bên ký kết phù hợp quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Ngân hàng Q khởi kiện ông W yêu cầu thanh toán nợ từ hợp đồng tín dụng nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Quận D nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[2] Bị đơn ông W đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông W theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] **Về nội dung yêu cầu khởi kiện**: Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 07/10/2019 có chữ ký xác nhận giữa bên cho vay là Ngân hàng Q và bên vay là ông W thể hiện Ngân hàng Q đã cấp thẻ tín dụng cho ông W với hạn mức 17.000.000 đồng.

[4] Thực hiện hợp đồng tín dụng, ông W đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/11/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông W, chuyển toàn bộ số nợ của ông W sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[5] Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông W đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Q, Ngân hàng yêu cầu ông W thanh toán toàn bộ số nợ gốc 16.861.568 đồng là có căn cứ.

[6] Về lãi suất: Xét mức lãi suất 2,6%/tháng của ông W trong suốt quá trình vay là phù hợp Điều 22, Điều 23 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng và quy định pháp luật. Do ông W không thanh toán số nợ đúng thời hạn nên ngoài nợ gốc, ông W còn phải chịu lãi quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn (3,9%/năm), cụ thể là 25.473.990 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

[7] Ngoài ra, ông W còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 21/01/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ vay.

[8] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí theo qui định tại Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 351; 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q về việc buộc ông W phải trả ngay tổng số tiền 42.335.558 đồng (Bốn mươi hai triệu, ba trăm ba mươi lăm, năm trăm năm mươi tám đồng) một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 07/10/2019, trong đó, nợ gốc là 16.861.568 đồng và nợ lãi quá hạn là 25.473.990 đồng.

Ông W còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 21/01/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả dứt nợ vay.

2. Về án phí: Ông W phải chịu 2.116.778 đồng (Hai triệu, một trăm mười sáu ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 875.905 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm ngàn, chín trăm lẻ năm đồng) cho Ngân hàng Q theo Biên lai tạm ứng án phí số 0009408 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Q và ông W được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành